

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09/9/2020
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bận
2. Ông Nguyễn Đức Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Sim- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk không tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2020/HNGĐ ngày 18/02/2020 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 04/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu Q, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Thôn 8, xã Hoà T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Liên gia 7, tổ dân phố 1, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh P sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Buôn, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh P không lo làm ăn, tụ tập bàn bè, nghiện ma túy; chị đã khuyên nhiều lần nhưng không được. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của chị và anh P không hạnh phúc, mục

đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án cho chị ly hôn với anh P.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Thuỳ T, sinh ngày 13/5/2015. Chị có nguyện vọng xin nuôi con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần cho anh P lên làm việc, tuy nhiên anh P vẫn vắng mặt không có lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra lại tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Hữu P đã được Toà án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là “Ly hôn và nuôi con”, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án: Chị Q và anh P tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình duy trì quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Anh P, chị Q đã sống ly thân từ khoảng năm 2018 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa chị Q và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

.....

[4]. Về con chung: Chị Q và anh P có 01 con chung là cháu Nguyễn Thuỳ T, sinh ngày 13/5/2015, chị Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cháu T là con gái, hiện nay còn nhỏ nên cần giao cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự chăm sóc và phát triển của cháu T là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Q không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

- *Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;*

- *Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu Q được ly hôn với anh Nguyễn Hữu P.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thuỳ T, sinh ngày 13/5/2015 cho chị Nguyễn Thị Thu Q trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung do chị Q không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Q phải chi án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0005895 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- UBND xã Hòa Thuận, Tp.BMT;
- Các đương sự; Lưu HS

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Lê Thị Mai